

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10-7-2019
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình
về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Trọn

Bà Trần Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 408/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Kim N, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Ấp X, xã Th, huyện G, tỉnh Tây Ninh “Vắng mặt”.

- *Bị đơn:* Anh Lê Hoàng T, sinh năm: 1991. Địa chỉ: khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 28-5-2019 và qua các lần làm việc, nguyên đơn chị Đặng Thị Kim N trình bày: Chị và chồng là anh Lê Hoàng T chung sống vào ngày 22-7-2018, hôn nhân tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới. Anh chị không có đăng ký kết hôn. Ngày cưới gia đình chồng có cho chị nữ trang là 01 đôi bông hột xoàn chị không rõ mấy ly, 01 sợi dây chuyền 03 chỉ vàng 24k và 06 chỉ vàng nhẫn 24k. Số nữ trang này vợ chồng đã bán chi phí trong gia đình hết, chỉ còn 01 đôi bông hột xoàn hiện chị đang giữ. Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà riêng của chị ở ấp X, xã T cho đến khi ly thân.

Quá trình chung sống vợ chồng chị không có con chung, không có tài sản chung cũng như không có nợ chung.

Vợ chồng chung sống đến ngày 16-5-2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do có 01 mình chị đi làm buôn bán để kiếm tiền lo cho gia đình, còn chồng chị thì không chịu đi làm công việc gì cả. Ngoài ra, khi vợ chồng gây gổ anh T còn đánh chị. Vợ chồng ly thân từ ngày 16-5-2019 đến nay và không gặp nhau để bàn việc đoàn tụ gia đình. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17-6-2019 và qua các lần làm việc, bị đơn anh Lê Hoàng T trình bày: Anh thống nhất như vợ anh trình bày về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nữ trang ngày cưới anh không yêu cầu giải quyết.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ anh cho rằng anh ham chơi nên yêu cầu ly hôn. Tuy nhiên, vợ anh lại đi ăn nhậu để người khác đưa về, khi về nhà lại đuổi anh đi. Vợ anh còn bỏ nhà đi 1-2 ngày mà anh không biết đi đâu nên anh không còn tin tưởng vợ về vấn đề tình cảm. Theo anh, vợ chồng không còn tình cảm nên anh đồng ý ly hôn như yêu cầu của vợ.

Về con chung con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự là phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị N và anh T chung sống vào ngày 22-7-2018, có tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thấy rằng, khi chung sống anh chị có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý. Tuy nhiên, trường hợp của anh chị Tòa án không xem xét mâu thuẫn để công nhận hay không công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh chị, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh chị là vợ chồng là phù hợp với quy định tại các điều 14 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị khai không có nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Anh chị cùng trình bày có tài sản chung là nữ trang ngày cưới chị N đang giữ. Tuy nhiên, anh chị đều không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về nợ chung: Anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị N chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 14 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố: Không công nhận chị Đặng Thị Kim N và anh Lê Hoàng T là vợ chồng.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về con chung: Anh chị khai không có nên không đặt ra giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đặng Thị Kim N nộp 300.000 đồng. Ghi nhận chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009250 ngày 28-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu nên được khấu trừ. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Vân Quỳnh